TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 11-3-2024
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Hồng Thanh
2. Bà Lâm Thị Ngọc Huệ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 524/2023/TLST-HNGĐ ngày18 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị Kim Ph, sinh năm 1983;
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An. (*có mặt)*
2. Bị đơn: Ông Phan Thanh T, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/6/2023 và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim Ph trình bày: bà và ông T cưới nhau vào năm 2002, do tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2003 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An. Trong thời gian vợ chồng sống chung ông T không chuyên tâm làm ăn, thường xuyên gây nợ nần để bà phải gánh vác gia đình, trả nợ, bà đã khuyên ông T nhiều lần nhưng ông T không thay đổi nên vợ chồng mâu thuẫn và không còn tình cảm, cuộc sống của vợ chồng không còn hạnh phúc. Vào tháng 12/2020 bà đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông T tại Tòa án, lúc đó ông T năn nỉ hứa sẽ thay đổi nên bà rút lại đơn khởi kiện nhưng ông T vẫn không lo làm ăn, vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn nên bà về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ tháng 7/2022 đến

nay. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông T, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Phan Thị Kim P, sinh ngày 11/3/2003 đã thành niên và Phan Thanh D, sinh ngày 21/11/2009 đang sống với bà từ lúc vợ chồng ly thân đến nay, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Vợ chồng không có nợ chung.

Đối với bị đơn ông Phan Thanh T, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa hợp lệ nhưng ông T không nộp văn bản nêu ý kiến và cũng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, phiên tòa.

- *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:* từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung: đề nghị căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị giải quyết theo hướng: chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị Kim Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với ông Phan Thanh T, Tòa án đã tống đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng ông T không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông T.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Bà Lê Thị Kim Ph và ông Phan Thanh T cưới nhau vào năm 2002, do tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2003 tại UBND xã Long Hựu Đông, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo bà Ph trình bày do trong thời gian chung sống ông T không lo làm ăn, thường xuyên gây nợ nần, bà khuyên ông T nhiều lần nhưng ông T không thay đổi dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn không hàn gắn được và ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau và không có thiện chí hàn gắn với nhau nên bà Ph yêu cầu ly hôn với ông T. Đối với ông T, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định

của pháp luật nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để giải quyết cho thấy ông T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Ph.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Ph và ông T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xử chấp nhận cho bà Ph được ly hôn với ông T.

[5]. Về nuôi con chung: bà Ph và ông T có 02 con chung tên Phan Thị Kim P, sinh ngày 11/3/2003 đã thành niên và Phan Thanh D, sinh ngày 21/11/2009. Hội đồng xét xử xét thấy, từ lúc vợ chồng ly thân đến nay cháu Duy sống với bà Ph đang có cuộc sống ổn định, cháu Duy cũng có nguyện vọng sống với bà Ph nên bà Ph yêu cầu để bà Ph tiếp tục nuôi cháu Duy là phù hợp cần chấp nhận. Do bà Ph không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Ông T không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Nếu ông T có căn cứ chứng minh bà Ph hạn chế quyền thăm nom con hoặc không đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng một vụ án khác.

[6]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[7]. Về tài sản chung bà Ph không yêu cầu giải quyết và nợ chung bà Ph trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[8]. Về án phí: bà Ph phải chịu án phí theo qui định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim Ph về việc ly hôn đối với ông Phan Thanh T.

Về hôn nhân: bà Lê Thị Kim Ph được ly hôn với ông Phan Thanh T.

Về nuôi con chung: bà Ph và ông T có 02 con chung tên Phan Thị Kim P, sinh ngày 11/3/2003 đã thành niên và Phan Thanh D, sinh ngày 21/11/2009. Bà Ph được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Phan Thanh D, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con sau này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: bà Lê Thị Kim Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006120 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An, bà Ph đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định đực thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đực thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Long Hựu Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trang

TÒA ÁN ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ….. giờ ….. phút ngày 11 tháng 3 năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang

Các hội thẩm nhân nhân:

1. Ông Đỗ Hồng Thanh
2. Bà Lâm Thị Ngọc Huệ

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 639/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Trần Thanh Thảo, sinh năm 2000;
Địa chỉ: Ấp Tây, xã Long Hựu Tây, huyện C, tỉnh Long An.
2. Bị đơn: Anh Lê Khắc Cường, sinh năm 1992;
Địa chỉ: Ấp Tây, xã Long Hựu Tây, huyện C, tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử thảo luận các vấn đề sau :

1/ Về Điều luật áp dụng:

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kết quả thảo luận: 3/3 biểu quyết đồng ý.

2/ Về nội dung vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Trần Thanh Thảo về việc ly hôn đối với anh Lê Khắc Cường.

Về hôn nhân: chị Nguyễn Trần Thanh Thảo được ly hôn với anh Lê Khắc Cường.

Kết quả thảo luận: 3/3 biểu quyết đồng ý.

3/ Về các vấn đề khác có liên quan:

Về án phí: chị Nguyễn Trần Thanh Thảo phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai

số 0002776 ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An, chị Thảo đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định đươc thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đươc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyên thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi …. giờ ….. phút, ngày 11 tháng 3 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Hồng Thanh **Lâm Thị Ngọc Huệ** **Phạm Thị Thùy Trang**